

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 45/2019/HS-PT

Ngày 25-6-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiểm;

Ông Triệu Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Hải N cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Hải N, sinh ngày 27-07-1997 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hải Đ và bà Vương Thị Thu H; vợ: Lê Thị A (đã ly hôn); con: có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 09-09-2018, tạm giam ngày 12-9-2018 đến nay; có mặt.

2. Phạm Ngọc H, sinh ngày 02-08-1993 tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị N; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 09-09-2018, tạm giam ngày 12-9-2018 đến nay; có mặt.

3. Hà Văn C, sinh ngày 06-07-1989 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị P; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2012/HSST ngày 30-08-2012 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 09-09-2018, tạm giam ngày 12-9-2018 cho đến ngày 25-01-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Bị cáo Trương Văn T, sinh ngày 16-10-1995. Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã O, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị cáo Hà Anh T, sinh ngày 05-02-1997. Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã O, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H:* Ông Dương Minh K và ông Nguyễn Văn L: Luật sư Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hải N:* Ông Trần Công T: Luật sư Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08-9-2018, Trương Văn T và Hà Anh T đang ngồi uống nước ở quán gần nhà trọ tại xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì Trương Văn T nhận được điện thoại từ số 01297.883.288 của một nam giới không rõ họ, tên, địa chỉ gọi đến và xưng là bạn của H là người mà Trương Văn T quen biết trước đó. Người nam giới đó đề nghị Trương Văn T đến xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vận chuyển pháo nổ thuê từ Trung Quốc vào Việt Nam thì sẽ trả tiền công. Do trước đó khoảng 8 đến 9 ngày Trương Văn T đã được vận chuyển pháo nổ thuê từ Trung Quốc về Việt Nam cho một đối tượng khác không rõ lai lịch để lấy tiền công nên Trương Văn T đồng ý, người này cho biết khi lên đến biên giới sẽ có người chỉ đường đến kho để lấy 10 bao tải pháo và dặn Trương Văn T tìm thêm khoảng 2-3 người nữa đến hộ, sau khi vận chuyển pháo về biên giới Việt Nam sẽ có thêm 02 người nữa đến hộ và vận chuyển pháo theo đường mòn xuống phía dưới tập kết gần các lán ở chân đồi và có người đến nhận, trả tiền công. Sau đó, Trương Văn T rủ Hà Anh T rồi gọi điện cho Hà Văn C cùng tham gia và hai người này đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Trương Văn T, Hà Anh T đón xe khách để đi đến xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đến cây xăng K thì Hà Văn C lên xe cùng, ba người đi đến thị trấn E, huyện C, tỉnh Lạng Sơn rồi

tiếp tục bắt xe taxi đến cửa khẩu G và đi theo đường mòn lên biên giới Việt Nam-Trung Quốc. Đến biên giới, Trương Văn T thấy một người nam giới đợi ở đó dùng tay làm tín hiệu, chỉ và dẫn đường đi khoảng 300-400 m thì đến 01 kho hàng có một nam giới, một nữ giới người Trung Quốc, Trương Văn T trao đổi với người phụ nữ đó bằng tiếng Việt Nam với nội dung đến nhận 10 bao pháo để vận chuyển về Việt Nam. Người phụ nữ lấy ra 10 bao pháo, Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C mang 10 bao pháo lên thùng xe 3 bánh, 3 người ngồi lên thùng xe và có 01 người nam giới Trung Quốc điều khiển xe đến biên giới Việt Nam-Trung Quốc; Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C cùng nhau lấy 10 bao tải pháo xuống bãi đất trống, đồng thời lúc đó Phạm Ngọc H, Vũ Hải N cũng vừa đến để vận chuyển pháo.

Trước đó Vũ Hải N được một người nam giới không rõ họ, tên địa chỉ gọi vào điện thoại của Vũ Hải N đề nghị đến xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để vận chuyển pháo được trả tiền công và Phạm Ngọc H cũng được một người nam giới xưng tên là B không rõ họ, tên, địa chỉ gọi vào điện thoại đề nghị đến xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vận chuyển pháo được trả tiền công. Do trước đó Vũ Hải N, Phạm Ngọc H đã từng được vận chuyển pháo nỏ thuê cho một người không rõ họ, tên, địa chỉ để lấy tiền công nên khi được đề nghị thì cả Vũ Hải N và Phạm Ngọc H đều đồng ý và đón xe khách từ nhà đến Lạng Sơn, sau đó đến xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đi bộ lên biên giới nơi tập kết pháo ở bãi đất trống để vận chuyển. Khi đến nơi tập kết pháo theo sự chỉ dẫn thì Vũ Hải N, Phạm Ngọc H gặp Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C.

Sau đó 05 bị cáo cùng nhau thống nhất việc vận chuyển pháo, bị cáo Trương Văn T là người đứng ra phân công và thống nhất giữa các bị cáo trong việc vận chuyển toàn bộ 10 bao pháo, cụ thể Trương Văn T, Hà Văn C, Hà Anh T, Vũ Hải N mỗi người vác 02 bao pháo, Phạm Ngọc H vác 01 bao pháo còn 01 bao thì cả 05 người thống nhất thay nhau vận chuyển. Sau khi thống nhất, các bị cáo cùng nhau thực hiện việc vận chuyển các bao pháo tới địa điểm khác cách đó khoảng 300m, trong quá trình thực hiện vận chuyển 01 bao pháo mà các bị cáo thống nhất cùng nhau vận chuyển chung thì chỉ có Trương Văn T và Hà Anh T cùng nhau vận chuyển. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang vận chuyển pháo và ngồi nghỉ thì bị Tổ công tác đồn Biên phòng T đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường mòn thuộc thôn S, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang cả 5 đối tượng cùng 10 bao pháo. Tổ công tác thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm có:

1. Trương Văn T: 109,8kg pháo nỏ, 02 bao tải dứa, 02 túi nilon, 01 điện thoại di động;
2. Hà Anh T: 107,5kg pháo nỏ, 02 bao tải dứa, 02 túi nilon;
3. Hà Văn C: 124,5kg pháo nỏ, 02 bao tải dứa, 03 túi nilon, 02 điện thoại di động;
4. Vũ Hải N: 109,8kg pháo nỏ, 02 bao tải dứa, 02 túi nilon;
5. Phạm Ngọc H: 45kg pháo nỏ, 01 bao tải dứa, 02 túi nilon.

Ngoài ra, còn thu giữ: 45,8kg pháo nổ, 01 bao tải dứa, 02 túi nilon màu đen là số pháo của Trương Văn T, Hà Anh T thay nhau vận chuyển.

Tổng khối lượng pháo nổ bị thu giữ là: 542,4kg.

Tại Kết luận giám định số: 04/KL-PC09 ngày 12-9-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 18-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 191, Điều 17, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C, Vũ Hải N, Phạm Ngọc H phạm tội Vận chuyển hàng cấm; xử phạt bị cáo Trương Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt các bị cáo Hà Anh T, Hà Văn C, Vũ Hải N, Phạm Ngọc H mỗi bị cáo 07 (bảy) năm tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-3-2019 các bị cáo Vũ Hải N, Phạm Ngọc H, Hà Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hà Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm của bản thân đúng như nội dung tóm tắt ở trên và giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Vũ Hải N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm của bản thân, bị cáo khẳng định việc xét xử bị cáo với tội danh Vận chuyển hàng cấm là đúng người, đúng tội, không oan. Tại phần xét hỏi, bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo, cụ thể: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xin được giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại phần tranh luận bị cáo không đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không xin được giảm nhẹ hình phạt bị cáo chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì: Quyết định trưng cầu giám định số: 113/QĐ ngày 10-9-2018 và Kết luận giám định số: 04/KL-PC09 ngày 12-9-2018 không mang tính khách quan (không đề nghị giám định số lượng pháo thu được là pháo nổ hay pháo hoa) có ý thức chủ quan khi yêu cầu giám định có các đặc tính của pháo nổ. Các biên bản xác định trọng lượng pháo lập ngày 09-9-2018 không có căn cứ pháp lý nào thể hiện trọng lượng pháo đó đã trừ bì. Vật chứng sau khi giám định đã đem đi tiêu hủy là không đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm của bản thân, bị cáo bổ sung yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm của bản thân đúng như nội dung tóm tắt ở trên, việc xét xử sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan nên các bị cáo không có kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Vũ Hải N, Phạm Ngọc H, Hà Văn C về tội Vận chuyển hàng cấm theo Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo Vũ Hải N, Phạm Ngọc H chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng pháo mỗi người dưới 120 kg đã vận chuyển theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Hà Văn C phải chịu trách nhiệm về số lượng pháo trên 120 kg đã vận chuyển theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Phạm Ngọc H nộp thêm Huân chương Kháng chiến của ông Phạm X (ông nội bị cáo), Tổ quốc ghi công đối với liệt sĩ Phạm Văn V (ông chú của bị cáo); bị cáo Vũ Hải N nộp thêm Phiếu xác nhận, Trích lục khai sinh của cháu Vũ Hải P; bị cáo Hà Văn C có nộp thêm Huân chương Kháng chiến hạng nhất của ông Hà Văn T (ông nội của bị cáo) và bị cáo trình bày hiện đang điều trị bệnh suy tim. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Hải N, Hà Văn C, Phạm Ngọc H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 6 năm đến 6 tháng 06 tháng tù. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Hải N từ 4 đến 5 năm tù. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 3 đến 4 năm tù. Trong quá trình tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát thay đổi quan điểm về việc giải quyết vụ án, cụ thể do bị cáo Vũ Hải N không đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo chỉ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Hải N từ 4 đến 5 năm tù mà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hải N, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã ấn định đối với bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H trình bày quan điểm: Ngay từ ban đầu, bị cáo Phạm Ngọc H đã chủ động chỉ nhận vận chuyển 01 bao pháo. Đối với 09 bao pháo do 04 bị cáo còn lại vận chuyển bị cáo không được giúp sức và không có liên quan gì. Như vậy, bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng trọng lượng số pháo đã vận chuyển là 45kg. Hành vi phạm tội của bị cáo là do thiếu hiểu biết pháp luật, phạm tội chỉ vì hám lợi nhất thời, phạm tội chưa đạt. Khi lực lượng Biên phòng đến bắt giữ cũng như trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan tiến hành tố tụng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có ông nội là ông Phạm X là người có công với cách mạng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương. Dựa trên nguyên tắc xử lý tội phạm và mục đích của hình phạt được quy định tại Điều 3 và Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H, sửa Bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 02 năm tù. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần nội dung Bản án liên quan đến các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, xem xét lại tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C và làm rõ để truy thu lại số tiền mà các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C đã thu lời bất chính từ hành vi vận chuyển pháo lần trước.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Vũ Hải N trình bày quan điểm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì: Quyết định trưng cầu giám định số: 113/QĐ ngày 10-9-2018 và Kết luận giám định số: 04/KL-PC09 ngày 12-9-2018 không mang tính khách quan (không đề nghị giám định số lượng pháo thu được là pháo nổ hay pháo hoa) có ý thức chủ quan khi yêu cầu giám định có các đặc tính của pháo nổ. Các biên bản xác định trọng lượng pháo lập ngày 09-9-2018 không có căn cứ pháp lý nào thể hiện trọng lượng pháo đó đã trừ bì. Vật chứng sau khi giám định đã đem đi tiêu hủy là không đúng quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Vũ Hải N, Hà Văn C, Phạm Ngọc H thừa nhận hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm của bản thân, cụ thể: Khoảng 23 giờ ngày 08-9-2018 tại khu vực đường mòn thuộc thôn S, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C, Vũ Hải N, Phạm Ngọc H vận chuyển 10 bao pháo nổ với mục đích để nhận tiền công thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng trọng lượng 10 bao pháo là 542,4kg pháo nổ, trong đó số pháo Trương Văn T vận chuyển 02 bao pháo có trọng lượng: 109,8kg pháo nổ; Hà Anh T vận

chuyển 02 bao pháo có trọng lượng 107,5kg pháo nổ; Hà Văn C vận chuyển 02 bao pháo có trọng lượng 124,5kg pháo nổ; Vũ Hải N vận chuyển 02 bao pháo có trọng lượng 109,8kg pháo nổ; Phạm Ngọc H vận chuyển 01 bao pháo có trọng lượng 45kg pháo nổ; Trương Văn T, Hà Anh T cùng nhau vận chuyển 01 bao pháo có trọng lượng 45,8kg pháo nổ. Bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C khẳng định việc xét xử bị cáo theo điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo Vũ Hải N, Phạm Ngọc H chỉ thừa nhận hành vi vận chuyển pháo nổ của mình dưới 120 kg, nên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy: Cả năm bị cáo (bị cáo có kháng cáo và bị cáo không có kháng cáo) đều thừa nhận: Các bị cáo Trương Văn T, Vũ Hải N, Phạm Ngọc H đều tiếp nhận ý chí của người khác cùng nhau từ nơi ở của mình đến Lạng Sơn thực hiện vận chuyển pháo cho người khác lấy tiền công. Bị cáo Hà Anh T, Hà Văn C tiếp nhận ý chí của Trương Văn T. Trước khi 05 bị cáo thực hiện việc vận chuyển pháo từ bãi đất trống đến địa điểm bị phát hiện bắt quả tang thì cả 05 bị cáo đều có mặt, đều biết tổng số lượng pháo sẽ phải vận chuyển là 10 bao pháo đã để tại bãi đất trống. Dưới sự phân công của bị cáo Trương Văn T 05 bị cáo đã tiếp nhận ý chí cùng nhau thực hiện và thực tế đã cùng nhau thực hiện vận chuyển xong 10 bao pháo từ bãi đất trống đến địa điểm khác cách đó khoảng 300 m thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo Trương Văn T nói ai vác được bao nhiêu thì vác, các bị cáo khác không nói gì, đồng thuận thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có mối liên kết thống nhất với nhau, cụ thể các bị cáo đã thỏa thuận rằng bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C, Vũ Hải N mỗi người vác 02 bao hàng, bị cáo Phạm Ngọc H sẽ vác 01 bao hàng, 01 bao hàng còn lại các bị cáo sẽ thay phiên nhau vác, việc mỗi bị cáo vận chuyển số lượng bao pháo khác nhau là do có sự thỏa thuận giữa các bị cáo. Như vậy, hành vi của bị cáo này quyết định hành vi của bị cáo khác (phân chia số lượng hàng vác) và là điều kiện hỗ trợ cho hoạt động chung (mục đích vận chuyển pháo để nhận tiền công không nhằm mục đích bán). Các bị cáo nhận thức rõ hành vi vận chuyển hàng cấm là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi vận chuyển hàng cấm và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra. Các bị cáo đều khẳng định bị cáo Trương Văn T sẽ là người trực tiếp nhận tiền công vận chuyển cả 10 bao pháo, sau đó bị cáo Trương Văn T sẽ trả tiền công vận chuyển pháo cho các bị cáo trên cơ sở trọng lượng (bao pháo) mà từng bị cáo đã trực tiếp vận chuyển. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định cả 05 bị cáo đã đồng phạm cùng nhau thực hiện vận chuyển 542,4kg pháo nổ nên Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Vũ Hải N, Phạm Ngọc H, Hà Văn C về tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Đây là vụ án hình sự Vận chuyển hàng cấm có nhiều người tham gia nhưng không có tính chất chuyên nghiệp, chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu

trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Hải N yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung thấy rằng: Toàn bộ 10 bao pháo bị thu giữ được cơ quan chức năng kiểm tra cụ thể từng bao, cân từng loại tang vật bằng cân Nhơn Hòa loại 100kg, có sự chứng kiến của các bị cáo, người chứng kiến, có được lập thành văn bản. Tại các văn bản này các bị cáo, người chứng kiến đều ký, ghi rõ họ tên và đại diện cơ quan chức năng ký, đóng dấu xác nhận theo đúng quy định của pháp luật. Các biên bản đó thể hiện rõ trọng lượng pháo của từng bao pháo đã được trừ bì. Ngoài ý kiến của mình ra bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh cho việc trọng lượng pháo được thể hiện tại các Biên bản xác định trọng lượng tang vật ngày 09-9-2018 là chưa trừ bì. Xét thấy nội dung tại Quyết định trưng cầu giám định số: 113/QĐ ngày 10-9-2018 yêu cầu giám định làm rõ các đặc tính của pháo nổ là khách quan, toàn diện, theo đúng quy định của pháp luật. Tại Kết luận giám định số: 04/KL-PC09 ngày 12-9-2018 đã xác định rất rõ mẫu vật giám định có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và gây tiếng nổ) nên có đủ căn cứ xem xét, xử lý về hình sự không phụ thuộc vào việc loại pháo này có các đặc tính khác như tạo hiệu ứng ánh sáng có màu sắc ...). Toàn bộ pháo nổ sau khi giám định xét thấy đảm bảo độ an toàn nên ngày 05-11-2018 Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã hành Quyết định xử lý vật chứng số: 50 đề tiêu hủy theo quy định (căn cứ Điều 39, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Trên cơ sở hướng dẫn xử lý đối với các vụ vi phạm về pháo của Công an tỉnh Lạng Sơn, Thủ trưởng Cơ quan điều tra huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã thành lập Hội đồng xử lý vật chứng số: 12 và Hội đồng xử lý vật chứng đã họp bàn biện pháp tiêu hủy vật chứng, việc họp bàn được lập thành biên bản. Cùng ngày 05-11-2018, Hội đồng tiêu hủy vật chứng đã thực hiện tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ đã bị thu giữ, việc tiêu hủy này được lập thành biên bản, được chụp ảnh lưu trữ kèm theo. Như vậy, việc quyết định xử lý vật chứng đối với số pháo nổ đang bị thu giữ là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đúng thủ tục, đúng quy định của pháp luật. Xét thấy: Không có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn đã tuyên trong Bản án sơ thẩm; không có việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSND-TANDTC-BCA-BQP ngày 22-12-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung có đủ cơ sở pháp lý không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hải N và đề nghị của

người bào chữa cho bị cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H yêu cầu hủy phần nội dung Bản án liên quan đến các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, xem xét lại tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C và làm rõ để truy thu lại số tiền mà các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T, Hà Văn C đã thu lời bất chính từ hành vi vận chuyển pháo lần trước. Thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên phần Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Trương Văn T, Hà Anh T đã có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, ngoài lời khai của các bị cáo không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và số tiền thu lời bất chính từ hành vi vận chuyển pháo lần trước. Theo quy định tại Điều 98 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì lời nhận tội của bị cáo chỉ được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án, không được dùng lời nhận tội của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội. Do đó, đề nghị của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Văn C thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo, đồng thời đã xem xét nhân thân và áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể: Ngày 30-08-2012 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tuy đã được xóa án tích xong điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Bị cáo tham gia từ đầu với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, thực hiện vượt biên trái phép trực tiếp vận chuyển pháo nổ từ Trung Quốc về Việt Nam, số lượng pháo nổ các bị cáo vận chuyển là 542,4kg. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Bản án sơ thẩm đã ấn định mức hình phạt đối với bị cáo 07 (bảy) năm tù là phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm Huân chương Kháng chiến hạng nhất của ông Hà Văn T (bị cáo cho biết đây là ông nội của bị cáo) và bị cáo đang điều trị bệnh suy tim. Tuy nhiên, ngoài lời khai của mình ra, bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mối quan hệ huyết thống, gia đình với ông Hà Văn T, cũng như không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện tình trạng sức khỏe của bản thân. Mặt khác, việc bị cáo cho rằng mình đang điều trị bệnh suy tim thì đó là điều kiện để bị cáo xin hoãn thi hành án. Vì vậy, không có căn cứ để xác định đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Văn C.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc H thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[8] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc H xuất trình thêm Huân chương Kháng chiến hạng nhì của ông Phạm X (bị cáo cho biết đây là ông nội của bị cáo), Tổ quốc ghi công của ông Phạm Văn V (bị cáo cho biết đây là người thân trong gia đình bị cáo). Tuy nhiên, ngoài lời khai của mình ra, bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mối quan hệ huyết thống, gia đình với ông Phạm X, ông Phạm Văn V. Vì vậy, không có căn cứ để xác định đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo cùng với các bị cáo khác bị cơ quan chức năng phát hiện và bắt quả tang. Sau khi bị phát hiện bắt quả tang bị cáo cũng không có khai báo với Cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không liên quan đến mình. Do đó, đề nghị của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo cùng với các bị cáo đã hoàn thành, các bị cáo đã vận chuyển xong 10 bao tải pháo (hàng cấm) từ bãi đất trống đến địa điểm khác cách đó 300m không nhằm mục đích bán thì bị Cơ quan chức năng phát hiện và bắt quả tang. Do đó, đề nghị của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét thấy, cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm, cụ thể: Bị cáo Phạm Ngọc H là người có nhân thân tốt; không vượt biên trái phép sang Trung Quốc nhận pháo; không tham gia vận chuyển pháo từ đầu; bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức nên phải chịu trách nhiệm chung về số pháo nổ bị thu giữ, xong về nguyên tắc bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, trọng lượng pháo bị cáo vận chuyển trái phép ít nhất trong các bị cáo. Vì vậy, mức hình phạt đối với bị cáo cũng cần được xem xét ấn định lại cho phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ tham gia, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt tù cho bị cáo.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hà Văn C, Phạm Ngọc H không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra và không đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Hải N là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của các bị cáo Hà Văn C, Vũ Hải N không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H được chấp nhận nên bị cáo Phạm Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[15] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn C, Vũ Hải N; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (đối với phần hình phạt tù của bị cáo Phạm Ngọc H) cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hà Văn C 07 (bảy) năm tù về tội Vận chuyển hàng cấm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 139 ngày (một trăm ba mươi chín) ngày (từ ngày 09-09-2018 đến ngày 25-01-2019).

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Hải N 07 (bảy) năm tù về tội Vận chuyển hàng cấm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 09-9-2018.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 05 (năm) năm tù về tội Vận chuyển hàng cấm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 09-9-2018.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Văn C, Vũ Hải N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Phạm Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa